

Tên:

Ngữ pháp HW:

Lớp: S3...

Độc HW:

Ngày giao bài: Thứ ..., ngày .../....

Ngày nộp bài: Thứ ..., ngày .../....



GE3 - Unit 6: Dinosaurs - Grammar 1 & Flyers Reading

A. THEORY

I. GRAMMAR

❖ **Past simple with regular and irregular verbs** (Thì quá khứ đơn với động từ có quy tắc và động từ bất quy tắc)

- **Cách dùng:** Được sử dụng để diễn tả trạng thái hoặc sự việc xảy ra trong quá khứ.

- **Dấu hiệu nhận biết:** Thường đi kèm với thời gian ở quá khứ.

+ yesterday

+ last night / last week / last year / last summer

+ ... ago

+ in + năm quá khứ

+ when + mệnh đề quá khứ

	Structure	Example
Positive	S + V2/V-ed (+ O)	She ran to school. I played soccer.
Negative	S + didn't + V-inf (+ O)	She didn't run to school. I didn't play soccer.
Yes/No Questions	Did + S + V-inf (+ O)? → Yes, S + did . / No, S + didn't .	Did she run to school? → Yes, she did . / No, she didn't .

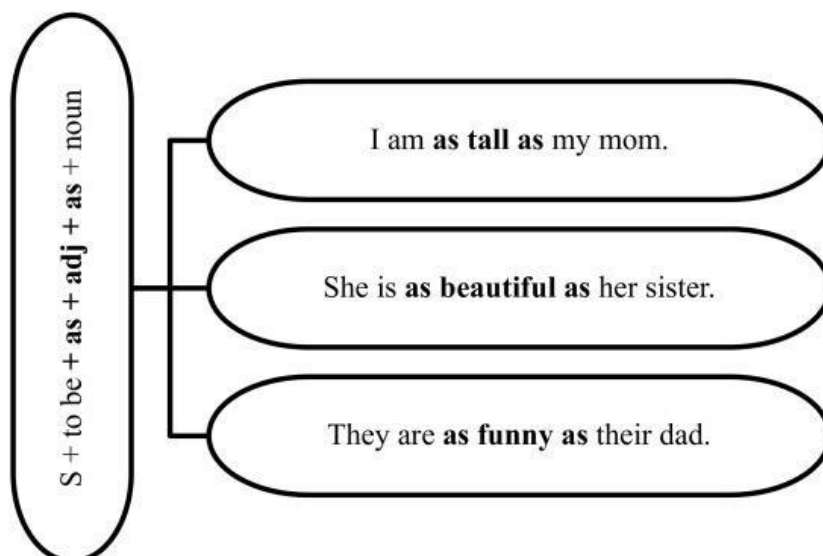
*Note: S = Subject: Chủ ngữ; V2 = past form of irregular verb: dạng quá khứ của động từ bất quy tắc;

V-ed = past form of regular verb: dạng quá khứ của động từ có quy tắc;

V-inf = Verb infinitive: Động từ nguyên mẫu; O = Object: tân ngữ; didn't = did not.

❖ **as + adj + as** (so sánh bằng)

- **Cách dùng:** được dùng để so sánh giữa những sự vật, sự việc có sự giống nhau về một đặc điểm nào đó.



* Note: S = Subject: Chủ ngữ; adj = adjective: tính từ; noun: danh từ.

II. FLYERS READING

1. Extra vocabulary

❖ CLASSWORK: Extra vocabulary for FLYERS – PART 3

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	carefully (adv)	một cách cẩn thận	3	rubber (n)	cục tẩy
2	naughty (adj)	nghech ngợm			

❖ HOMEWORK: Extra vocabulary for FLYERS – PART 3

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	awake (adj)	thức, tỉnh	3	pick up (phr.v)	nhặt lên, cầm lên
2	downstairs (adv)	ở dưới nhà, tầng dưới	4	surprised (adj)	ngạc nhiên, bất ngờ

**Note: n = noun: danh từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ; adj = adjective: tính từ;
adv = adverb: trạng từ.*

Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 ĐỒNG vào vở ghi (áp dụng cho phần Extra vocabulary).*

2. Method: Answer prediction

Bước 1: Đọc câu hỏi kỹ → gạch chân từ khóa (day, place, time, thing...).

Bước 2: Đoán loại từ cần điền → là người, địa điểm, thời gian, đồ vật hay hành động.

Bước 3: Đọc lại các từ trong bảng → chọn từ có nghĩa phù hợp với nội dung của câu.

Bước 4: Kiểm tra lại → điền xong đọc cả câu, xem có hợp ngữ cảnh & ngữ pháp không.

Ví dụ:

Bước 1: Đọc câu hỏi

Câu: "Kim goes to school every day with Nick, and all the (0) _____ in Nick's classroom know him."

→ Câu nói về việc Kim đi học cùng Nick mỗi ngày và tất cả ... trong lớp của Nick đều biết bạn ấy.

Bước 2: Đoán loại từ cần điền

Cụm: all the (0) _____ in Nick's classroom

→ cần danh từ số nhiều chỉ người.

Bước 3: Đọc câu trả lời

- **children**: chỉ các bạn nhỏ trong lớp → phù hợp
- **world**: thế giới → không hợp nghĩa
- **ticket**: vé → không liên quan
- **feet**: bộ phận cơ thể → không hợp
- **laughed**: hành động → sai loại từ
- **carries**: hành động → không hợp
- **eat**: hành động → sai loại từ

Bước 4: Kiểm tra lại

Kim goes to school every day with Nick, and all the children in Nick's classroom know him.

→ Câu đúng ngữ pháp, đúng nghĩa và phù hợp ngữ cảnh.

B. CLASSWORK

I. Pre-reading: Put the words into the correct groups. (Xếp các từ vào đúng nhóm.)

<u>children</u>	ticket	laugh	eat	world	feet	carry
-----------------	--------	-------	-----	-------	------	-------

Nouns	Verbs
0. <u>children</u>	4.
1.	5.
2.	6.
3.	

II. Read the story. Choose a word from the box. Write the correct word next to numbers 1-6.

(Đọc câu chuyện. Chọn một từ trong khung. Viết từ đúng vào bên cạnh các số từ 1 đến 6.)

FLYERS PART 3 - 5 questions

Kim's picture

My brother, Nick, has a small green frog. He's called Kim. Kim goes to school every day with Nick, and all the (0) children in Nick's classroom know him. Nick (1) him there carefully in his bag with his books and his (2) for the bus. Kim sits on Nick's desk. Sometimes, he's naughty! Yesterday, he tried to (3) Nick's rubber and pencils. The frog enjoys all the lessons, but when the children do painting he likes that best.

Yesterday, Kim looked at Nick's painting. He wanted to paint too! He put his two (4) in the red paint and then jumped on Nick's picture. The teacher saw this and (5) 'Nick and Kim, your painting is great!' she said. Nick was very happy. 'Who's the best frog in the (6)?' he asked loudly. 'Kim!' all his friends said.

Example



children



ticket



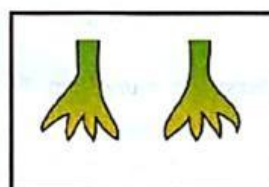
laughed



eat



world



feet



carries

C. HOMEWORK (15 questions)**I. Read the sentences and circle the correct answers. (Đọc câu và khoanh tròn đáp án đúng.)**

0. The Allosaurus didn't on four legs.

A. walked

B. walking

C. walk

1. The first dinosaurs 220,000,000 years ago.

A. appeared

B. appear

C. appearing

2. Dinosaurs on Earth millions of years ago.

A. live

B. lived

C. living

3. The T-rex didn't plants.

A. ate

B. eat

C. eating

4. dinosaurs live a long time ago?

A. Do

B. Does

C. Did

5. The last dinosaur died sixty-five million years

A. ago

B. yesterday

C. now

II. Complete the sentences using AS + ADJ + AS. (Hoàn thành câu sử dụng cấu trúc AS + ADJ + AS.)

0. My bag is as heavy as (heavy) yours.

1. This house is (big) that one.

2. Tom is (tall) his brother.

3. The movie is (interesting) the story.

4. This dog is (friendly) the cat.

5. Sarah's dress is (beautiful) Emma's dress.

III. Think about your yesterday. Complete the sentences. Write MORE THAN 3 words.

(Nghĩ về ngày hôm qua của con. Hoàn thành các câu. Viết câu có HƠN 3 TỪ.)

0. Yesterday was a good day. I felt happy because I watched a movie with my family.

1. Yesterday after school, I

2. Yesterday, I didn't eat

3. Yesterday, I played

4. Yesterday morning, I met

5. Yesterday, I didn't like

IV. CAMBRIDGE READING PRACTICE

FLYERS PART 3 - 5 questions

Read the story. Choose a word from the box. Write the correct word next to numbers 1-6.

Jim makes a mistake

One day last week, Jim got up and went to work. He put on his (0) trousers, shirt and jacket very quietly because his family weren't awake. Then he went to the bathroom, had a shower and cleaned his (1) He went downstairs to the kitchen and made a cup of (2) and ate some bread and cheese. Then he picked up his bag and (3) to work on his bike. He was surprised because the (4) was very quiet. There were no cars or people there. Jim worked at the library but when he tried to open the (5) of the library, he couldn't. A man with a dog stopped to talk to him. 'It's Sunday, you know!' he said. 'The library isn't open today!' Jim (6) 'Oh great!' he said, 'I can go back to bed!'

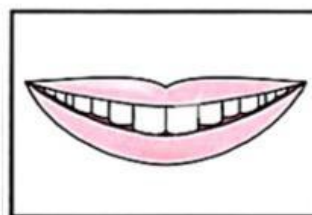
Example



trousers



coffee



teeth



door



laughed



street



rode